

# NHẬN THỨC VỀ TÌNH YÊU TUỔI HỌC TRÒ CỦA TRẺ EM TẠI CÁC CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

ĐỖ THỊ THU PHƯƠNG\*

**Tóm tắt:** Dựa trên kết quả nghiên cứu đề tài “Nhận thức về sức khỏe sinh sản của trẻ em tại các cơ sở trợ giúp xã hội” năm 2022 tại 5 cơ sở trợ giúp xã hội tại Hà Nội và Yên Bái, bài viết trình bày các phát hiện chính liên quan đến nhận thức về tình yêu tuổi học trò của trẻ em tại các cơ sở trợ giúp xã hội, bao gồm: Nhận thức về các biểu hiện tình yêu tuổi học trò và các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về tình yêu tuổi học trò của trẻ em. Bài viết cũng so sánh nhận thức về tình yêu tuổi học trò của trẻ theo nhóm tuổi và giới tính. Từ đó đưa ra những đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức của trẻ em tại các cơ sở trợ giúp xã hội về tình yêu tuổi học trò.

**Từ khóa:** Nhận thức; tình yêu tuổi học trò; trẻ em; cơ sở trợ giúp xã hội

**Abstract:** Based on the results of the research on the topic: “Reproductive health awareness of children at social support facilities” in 2022, which surveyed five social support facilities in Hanoi and Yen Bai, the article presents the main points related to the views of school-age love among children at social support facilities, including: Perception of the manifestations of school-age love and its influencing factors. The article also compares children’s insights of school-age love by age group and gender. Thereby, it gives some recommendations to raise awareness among children in social support facilities about school-age love.

**Keywords:** Awareness, school-age love, children, social support facilities

## 1. Đặt vấn đề

Trẻ em là đối tượng cần sự bảo vệ đặc biệt của gia đình và toàn xã hội. Trẻ em nói chung, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng có nhu cầu và quyền được chăm sóc và giáo dục để có nhận thức, kỹ năng và sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần. Đảng và Nhà nước ta đã có sự quan tâm nhiều hơn đối với trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng và trong các cơ sở nuôi dưỡng, điều này được thấy rõ trong các chính sách, chương trình và dịch vụ xã hội dành cho trẻ em. Mặc dù vậy, Việt Nam vẫn có khoảng 1,78 triệu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, chiếm 7,16% dân số trẻ em (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2020). Số lượng trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp xã hội

\* Học viện Phụ nữ Việt Nam

Ngày nhận bài: 04/08/2022; Ngày phản biện: 27/08/2022; Ngày duyệt đăng: 27/02/2023

khá lớn từ 11.000 tới 22.000 trẻ theo từng năm (UNICEF, 2017). Tuy nhiên, bên cạnh việc đảm bảo cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt một nơi ở thay thế và được chăm sóc, giáo dục thì các cơ sở trợ giúp xã hội hiện nay vẫn chưa có các dịch vụ xã hội phong phú, đáp ứng nhu cầu cho trẻ (Bùi Thị Xuân Mai, 2016).

Nhận thức về sức khỏe sinh sản là một vấn đề đang được quan tâm, trong đó có nhận thức về tình yêu tuổi học trò, đặc biệt là nhận thức của trẻ em sống tại các cơ sở trợ giúp xã hội. Trẻ sống ở trung tâm phải đối mặt với nguy cơ bị ngược đãi, bỏ bê ảnh hưởng tới tâm lý. Môi trường thiếu vắng hoặc hạn chế sự đáp ứng của người chăm sóc khiến trẻ khó biểu đạt cảm xúc, mong muốn của mình, giảm khả năng chú ý, ghi nhớ (Phạm Tiến Sỹ, 2018). Trẻ em sống tại các cơ sở nuôi dưỡng tập trung phải đối mặt với nguy cơ bị sao nhãng, xâm hại và ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài của trẻ (Csaky, 2009).

### Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu được thực hiện tại 5 cơ sở trợ giúp xã hội tại Hà Nội và Yên Bái. Các phương pháp nghiên cứu bao gồm: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn sâu (30 phỏng vấn sâu đối với lãnh đạo, cán bộ và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại các cơ sở), thảo luận nhóm (5 thảo luận nhóm đối với lãnh đạo và cán bộ các cơ sở), phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, trong đó tiến hành khảo sát 200 phiếu trẻ em (gồm trẻ từ 12-15 tuổi là 122 em, trẻ từ 16-18 tuổi là 78 em. Số lượng trẻ em trai là 102 và 98 trẻ em gái).

## 2. Nội dung

### 2.1. Nhận thức về các biểu hiện của tình yêu học trò

Để đánh giá nhận thức của trẻ em về biểu hiện tình yêu học trò bài viết đã đưa ra biểu hiện về mặt cảm xúc, biểu hiện về mặt hành vi, biểu hiện về xu hướng tính dục... từ đó thấy được hiểu biết, suy nghĩ của trẻ ở mức độ nào, cụ thể ở bảng dưới đây:

Bảng 1. Nhận thức của trẻ về tình yêu học trò

Các biểu hiện	Hoàn toàn sai (%)	Phần lớn sai (%)	Nửa sai, nửa đúng (%)	Phần lớn đúng (%)	Hoàn toàn đúng (%)	ĐTB (ĐLC)
Hai bạn khác giới thích nhau	0	1.0	11.0	36.0	52.0	4,39(0.72)
Hai bạn khác giới quan tâm đến nhau nhiều hơn	2.0	2.0	26.0	41.0	29.0	3,93(0.90)
Hai bạn khác giới hôn nhau	3.0	5.0	20.0	45.0	27.0	3,88(0.96)
Hai bạn cùng giới quan tâm đến nhau nhiều hơn	10.0	12.0	36.0	31.0	11.0	3,21(1.11)

Các biểu hiện	Hoàn toàn sai	Phần lớn sai	Nửa sai, nửa đúng	Phần lớn đúng	Hoàn toàn đúng	ĐTB (ĐLC)
Hai bạn cùng giới thích nhau	14.0	20.0	39.0	19.0	8.0	2,87(1.12)
Hai bạn khác giới quan hệ tình dục với nhau	21.0	20.0	27.0	21.0	11.0	2,81(1.29)
Hai bạn cùng giới hôn nhau	17.0	17.0	45.5	18.5	2.0	2,72(1.02)
Hai bạn cùng giới quan hệ tình dục với nhau	36.0	32.0	28.0	2.0	2.0	2,02(0.95)

Kết quả thực tế khi khảo sát trực tiếp trẻ em tại các cơ sở trợ giúp xã hội cho thấy biểu hiện về tình yêu học trò được nhiều trẻ đồng tình nhất đó là “Hai bạn khác giới thích nhau” (có điểm trung bình (ĐTB)= 4,39), sau đó là biểu hiện “Hai bạn khác giới quan tâm đến nhau nhiều hơn” (ĐTB= 3,93). Bên cạnh đó, biểu hiện ít được đồng tình nhất là “Hai bạn cùng giới hôn nhau” (ĐTB= 2,72) và “Hai bạn cùng giới quan hệ tình dục với nhau” (ĐTB= 2,02). Điều này cho thấy quan niệm của trẻ về tình yêu tuổi học trò là sự quan tâm, thích giữa hai người khác giới. Tình yêu đồng giới chưa được trẻ đồng thuận:

*“Em nghĩ yêu là khi hai bạn thích nhau, quan tâm đến nhau, cũng có thể là nắm tay, ôm hôn, ... nhưng về chuyện hai người cùng giới thích nhau thì em thấy nó không phổ biến, em chưa biết”* (PVS, nữ, 14 tuổi, trẻ em tại Trung tâm CTXH và BTEXH tỉnh Yên Bái).

*“Em nghĩ hai người cùng giới mà yêu nhau thì lạ lắm, chắc không ai đồng ý”* (PVS, nam, 16 tuổi, trẻ em tại Làng trẻ SOS Hà Nội).

Như vậy có thể lý giải được trẻ ở các cơ sở đã có nhận thức về tình yêu tuổi học trò nhưng chủ yếu là về tình yêu khác giới. Các biểu hiện về tình yêu tuổi học trò với trẻ vẫn là những điều rất đơn giản như quan tâm, thích, ở bên cạnh nhau, ... trẻ không có sự đồng thuận cao về việc hôn, quan hệ tình dục trong tình yêu tuổi học trò.

Ngoài ra, xét theo nhóm tuổi của trẻ cũng bộc lộ rõ hơn nhận thức về các biểu hiện của tình yêu khác giới và tình yêu đồng giới cho thấy trẻ trong độ tuổi 16-18 tuổi có sự đồng thuận cao hơn về tình yêu đồng giới, cụ thể ở bảng dưới đây:

Bảng 2. Biểu hiện về xu hướng tính dục của trẻ em

Các biểu hiện	Giới	ĐTB	Mean rank	Z, p
1. Hai bạn khác giới thích nhau	Nam	4.37	101.2	Z=-0.20 p=0.85
	Nữ	4.41	99.8	

Các biểu hiện	Giới	ĐTB	Mean rank	Z, p
2.Hai bạn cùng giới thích nhau	Nam	2.47	79.5	Z=-5.45
	Nữ	3.29	122.4	<b>P&lt;0.001</b>
3.Hai bạn khác giới quan tâm đến nhau nhiều hơn	Nam	3.92	99.1	Z=-0.36
	Nữ	3.94	101.9	p=0.72
4.Hai bạn cùng giới quan tâm đến nhau nhiều hơn	Nam	3.06	92.9	Z=-1.98
	Nữ	3.37	108.4	<b>p=0.048</b>
5.Hai bạn khác giới hôn nhau	Nam	4.04	110.0	Z=-2.52
	Nữ	3.71	90.6	<b>p=0.012</b>
6.Hai bạn cùng giới hôn nhau	Nam	2.45	86.4	Z=-3.74
	Nữ	2.99	115.2	<b>P&lt;0.001</b>
7.Hai bạn khác giới quan hệ tình dục với nhau	Nam	2.94	106.3	Z=-1.47
	Nữ	2.99	94.5	p=0.142
8.Hai bạn cùng giới quan hệ tình dục với nhau	Nam	1.88	92.5	Z=-2.11
	Nữ	2.16	108.9	<b>p=0.035</b>

Ghi chú: Mean rank: trung bình thứ bậc; ĐTB: Điểm trung bình

So sánh sự khác biệt trong quan niệm về tình yêu học trò ở mỗi giới (bảng 2), kết quả phân tích phi tham số cho thấy, có sự khác biệt trong quan niệm của bé trai và bé gái về tình yêu tuổi học trò. Bé trai có mức độ đồng thuận cao hơn (ĐTB ở bé trai là 4.04, ở bé gái là 3.71, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê,  $p=0.012$ ) khi cho rằng tình yêu tuổi học trò có biểu hiện là “Hai bạn khác giới hôn nhau”. Mức độ đồng tình của bé gái cao hơn bé trai ( $p<0.05$ ) khi nhận thức về khái niệm đồng giới như: “Hai bạn cùng giới thích nhau”; “Hai bạn cùng giới quan tâm đến nhau nhiều hơn”; “Hai bạn cùng giới hôn nhau” và “Hai bạn cùng giới quan hệ tình dục với nhau”, Điều này cho thấy trẻ em gái có sự đồng thuận cao hơn về các biểu hiện của tình yêu đồng giới, trẻ em nam ít đồng thuận hơn về khía cạnh này. Kết quả thảo luận nhóm trẻ em cho thấy: “Chúng em thấy là tình yêu đồng giới thì không sao cả, vẫn có thể xảy ra, nhưng chắc cũng khó, chẳng hạn như mọi người sẽ chấp nhận hay không, rồi xấu hổ..” (Thảo luận nhóm trẻ em, Làng trẻ em SOS Hà Nội). Như vậy, trẻ em gái có nhận thức tốt hơn về các biểu hiện tình yêu đồng giới.

## 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của trẻ em về tình yêu tuổi học trò

Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của trẻ em về tình yêu tuổi học trò được xem xét dựa trên 3 nhóm chính bao gồm: Các yếu tố về nhân khẩu học như nhóm tuổi, giới tính, thời gian sống liên tục tại các cơ sở; các yếu tố chủ quan như mong muốn, sự chủ động và nhóm

các yếu tố khách quan như ảnh hưởng từ bạn bè, giáo dục nhà trường, giáo dục của các cơ sở và truyền thông. Cụ thể ở bảng bên dưới:

Bảng 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về tình yêu tuổi học trò của trẻ em

Biến phụ thuộc	Nhận thức về tình yêu khác giới			Nhận thức về tình yêu đồng giới		
	Beta	t	p	Beta	t	p
<b>Nhóm các yếu tố nhân khẩu học</b>		19.580	.000		5.630	.000
Thời gian sống liên tục tại cơ sở	.061	.828	.409	.022	.322	.748
Nhóm tuổi	.005	.068	.946	<b>.233</b>	<b>3.396</b>	<b>.001</b>
Giới tính	-.123	-1.740	.083	<b>.317</b>	<b>4.835</b>	<b>.000</b>
<b>Nhóm các yếu tố khác</b>		6.435	.000		.909	.365
<b>Các yếu tố chủ quan</b>						
Mong muốn tìm hiểu về sức khỏe sinh sản	.098	1.160	.247	<b>.153</b>	<b>2.082</b>	<b>.039</b>
Mức độ chủ động	-.005	-.057	.955	.102	1.218	.225
<b>Các yếu tố khách quan</b>						
Sự quan tâm/hỗ trợ từ phía mẹ/dì/người chăm sóc	.073	.947	.345	-.014	-.208	.836
Sự giáo dục từ phía nhà trường	.017	.214	.830	<b>.186</b>	<b>2.744</b>	<b>.007</b>
Sự chia sẻ trong nhóm bạn về kiến thức giới tính	-.128	-1.598	.112	<b>.309</b>	<b>4.398</b>	<b>.000</b>
Mối quan hệ bạn bè tích cực	.096	1.140	.256	.017	.235	.814
Ảnh hưởng từ các chương trình giáo dục của cơ sở	.060	.607	.545	<b>.193</b>	<b>2.234</b>	<b>.027</b>
Ảnh hưởng từ truyền thông	.050	.584	.560	<b>.161</b>	<b>2.130</b>	<b>.034</b>

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính thể hiện ở Bảng 3 cho thấy, giới tính, sự chia sẻ trong nhóm bạn bè về kiến thức giới tính, nhóm tuổi, các chương trình giáo dục của cơ sở và truyền thông là những yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của trẻ em về tình yêu đồng giới. Theo đó, sự chia sẻ trong nhóm bạn về kiến thức giới tính càng nhiều thì nhận thức của trẻ về tình yêu đồng giới càng cao (Giá trị Beta là 0.309,  $p < 0.05$ ), tương tự như vậy thì các chương trình giáo dục của CSTGXH, truyền thông càng nhiều thì nhận thức của trẻ em về tình yêu đồng giới tốt hơn (Giá trị Beta lần lượt là 0.193, 0.161,  $p < 0.05$ ). Và cuối cùng là mong muốn tìm hiểu về sức khỏe sinh sản của trẻ càng nhiều thì nhận thức của trẻ cũng tốt hơn về tình yêu đồng giới (Giá trị Beta là 0.153,  $p < 0.05$ ).

---

Phỏng vấn sâu trẻ em cho thấy: “*Khi có những thắc mắc về vấn đề gì em đều hỏi các anh chị trong trung tâm hoặc tìm hiểu trên mạng. Các thông tin thì nhiều nhưng có cái nào em cần tìm thì em đọc thôi. Tivi thì chúng em không được xem nhiều vì chỉ có 1 tivi chung cho cả dãy nhà. Ở trường thì cũng dạy nhưng không có nhiều nội dung phù hợp với em*” (PVS, nữ, 14 tuổi, trẻ em tại Trung tâm CTXH và BTXH tỉnh Yên Bái). “*Năm nào chúng tôi cũng có các chương trình giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, trong đó có nhiều nội dung liên quan đến sức khỏe sinh sản để các em có kiến thức, biết tự chăm sóc bản thân. Trẻ ở đây cũng chịu khó tìm hiểu, hỏi các mẹ, các chị trong nhà khi có vấn đề*” (PVS, nữ, 50 tuổi, cán bộ tại Làng trẻ em SOS Hà Nội).

Có thể thấy các yếu tố ảnh hưởng tích cực đến nhận thức của trẻ em về tình yêu nói chung, tình yêu đồng giới nói riêng đến từ mong muốn của chính bản thân trẻ, sự chia sẻ của bạn bè, các chương trình giáo dục của cơ sở nuôi dưỡng và các thông tin truyền thông. Các yếu tố khác như mức độ chủ động của trẻ, sự quan tâm từ mẹ/dì/người chăm sóc, mối quan hệ bạn bè tích cực không có sự ảnh hưởng đến nhận thức của trẻ về tình yêu tuổi học trò. Không có yếu tố nào ảnh hưởng đến nhận thức về tình yêu khác giới của trẻ.

### **3. Đề xuất, khuyến nghị nhằm nâng cao nhận thức về tình yêu của trẻ em tại các cơ sở trợ giúp xã hội**

*Thứ nhất*, bản thân trẻ cần có sự chủ động, tích cực tìm hiểu, trao đổi và chia sẻ những vấn đề liên quan đến tình yêu tuổi học trò với bạn bè, người thân và những người chăm sóc. Trẻ cần dành nhiều thời gian tìm hiểu thông qua các phương tiện như báo, đài, tivi, internet. Đặc biệt là tìm hiểu về biểu hiện tình yêu đồng giới.

*Thứ hai*, đối với mẹ/dì/người chăm sóc và cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ sở nuôi dưỡng trẻ em cần có sự chia sẻ, tạo điều kiện để trẻ tiếp cận với các thông tin liên quan đến tình yêu tuổi học trò. Bên cạnh đó, khuyến khích trẻ chia sẻ, quan tâm nhiều hơn đến vấn đề này. Cần có nhận thức đúng về tình yêu tuổi học trò, để có thể dẫn dắt, định hướng và không có những cản trở đến nhận thức từ phía trẻ.

*Thứ ba*, các cơ sở trợ giúp xã hội cần có các chương trình giáo dục giới tính, tình yêu cho trẻ. Các chương trình cần được xây dựng để đảm bảo phù hợp với từng nhóm trẻ và giới tính của trẻ. Chú trọng đến các nhóm trẻ dưới 15 tuổi và các nội dung liên quan đến tình yêu đồng giới. Đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ để trẻ tiếp cận được với các chương trình giáo dục giới tính, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.

*Thứ tư*, cần có những hình thức truyền thông phong phú, phù hợp để trẻ tiếp cận được các thông tin đầy đủ, chính xác về sức khỏe sinh sản nói chung và tình yêu tuổi học trò nói riêng.

### **4. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhận thức của trẻ em tại các cơ sở trợ giúp xã hội về tình yêu tuổi học trò tương đối tốt. Các biểu hiện của tình yêu đồng giới và tình yêu khác giới đều

được các em đồng thuận. Trẻ em gái có sự đồng thuận cao hơn về các biểu hiện của tình yêu đồng giới. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của trẻ về tình yêu đồng giới như giới tính, sự chia sẻ trong nhóm bạn bè về kiến thức giới tính, nhóm tuổi, các chương trình giáo dục của cơ sở và ảnh hưởng từ truyền thông. Tuy nhiên, trẻ em trai chưa có nhận thức đầy đủ về biểu hiện tình yêu đồng giới, nhóm trẻ trên 15 tuổi có nhận thức tốt hơn. Các yếu tố như sự chủ động, sự quan tâm/ hỗ trợ từ phía mẹ/ dì/ người chăm sóc chưa có ảnh hưởng đến nhận thức của trẻ.

### **Tài liệu tham khảo:**

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2020). Báo cáo việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.
- Casaky, C. (2009). Keep children out of harmful institutions: Why we should be investing in family-based care. Retrieved from *Save the Children*, downloaded from website: <https://resourcecentre.savethechildren.net/node/1398/pdf/1398.pdf>.
- Bùi Thị Xuân Mai (2016). Thực trạng dịch vụ xã hội, trợ giúp xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế Công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em: Kinh nghiệm của một số quốc gia*, tr. 264 -270.
- Phạm Tiến Sỹ (2018). Những định hướng nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc trẻ em ở các trung tâm chăm sóc tập trung. *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Định hướng phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam: Vai trò của pháp luật – đào tạo – thực tiễn*, tr. 159-166.
- UNICEF (2005). Phân tích tình hình chăm sóc trẻ tại trung tâm và các chương trình chăm sóc thay thế ở Việt Nam.